

Bản án số: 138/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 08/8/2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc;
2. Ông Đoàn Nam Lê Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1983; thường trú: Thôn Thủy T, xã Bạch H, huyện Phú X, thành phố H; tạm trú: 12/71 khu phố B Đ, phường An B, thành phố D, tỉnh B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; thường trú: Thôn Thủy T, xã Bạch H, huyện Phú X, thành phố H; tạm trú: 12/71 khu phố B Đ 4, phường An B, thành phố D, tỉnh B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T sau thời gian tự nguyện tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bạch H, huyện Phú X, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01 ngày 21/3/2006.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có sự đồng cảm, mỗi người đều có cuộc

sống riêng nên không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù chị H đã cố gắng hòa giải và nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay chị Hải xác định không còn tình cảm với anh Nguyễn Văn T, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang H1, sinh ngày 10/10/2006 và Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 12/11/2012. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 21 tháng 7 năm 2022 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H sau thời gian quen nhau khoảng hơn 01 năm thì tự nguyện về chung sống với nhau vào 2005, có tổ chức lễ cưới và đến năm 2006 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Bạch H, huyện Phú X, thành phố H. Việc kết hôn được hai bên gia đình đồng ý.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T phát hiện chị H nhắn tin cho người đàn ông khác rất tình cảm. Khi phát hiện sự việc, anh T đã hỏi chị H và chị H thừa nhận. Kể từ đó tình cảm vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, chị H tự ý dọn ra ngoài sống riêng. Mặc dù anh T đã vì các con còn nhỏ mà tha thứ cho sự không chung thủy của chị H nhưng chị H lại không xem đó là cơ hội sửa đổi mà lại làm đơn xin ly hôn. Khoảng 02 tuần trở lại đây chị H đã dọn ra ngoài sống riêng, chặn mọi thông tin liên lạc, vợ chồng tạm thời sống ly thân. Nay anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị H, bản thân không muốn ly hôn nhưng nếu chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Quang H1, sinh ngày 10/10/2006 và Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 12/11/2012. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H thì anh T tùy ý các con muốn sống với ai cũng được, nếu các con muốn sống với anh T thì anh không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nếu các con muốn sống với chị H thì anh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố D tại Hội liên hiệp phụ nữ phường An B, thành phố D thể hiện*: Hội Liên hiệp phụ nữ phường An B không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T. Đồng thời, Hội không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó, không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân, chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị H và anh T đều xác nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đã cố gắng hòa giải nhưng không thành nên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, chị H có yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung, chị H có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Quang H1, sinh ngày 10/10/2006 và Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 12/11/2012. Tại bản tự khai cháu H1 và cháu H2 cũng có nguyện vọng được ở chung với mẹ. Anh T đề nghị các con quyết định lựa chọn muốn chung sống với ai nên yêu cầu của chị H về vấn đề nuôi dưỡng con chung là có căn cứ. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị H, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Đối với tài sản chung và nợ chung đương sự không tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Bùi Thị H, bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bạch H, huyện Phú X, thành phố H ngày 21/3/2006 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10, quyển số 01) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể tiếp tục chung sống được với nhau và yêu cầu được ly hôn. Anh Nguyễn Văn T cũng thừa nhận quan hệ vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn vì nghi ngờ chị H có quan hệ với người đàn ông khác, hiện chị H đã dọn ra ngoài sống riêng và chặn mọi thông tin liên lạc. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc và để đạt được mục đích đó thì vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Anh T thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và hiện đang tạm thời sống ly thân. Bản thân anh T không muốn ly hôn nhưng nếu chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh T là trầm trọng, chị H yêu cầu được ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Quang H1, sinh ngày 10/10/2006 và Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 12/11/2012. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Anh T nêu ý kiến tùy các con quyết định. Tại bản tự khai ngày 19/7/2022, cháu H1 và cháu

H2 đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Thực tế kể từ thời điểm chị H và anh T sống ly thân thì hai cháu H1 và H2 đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và các cháu vẫn được chăm sóc, phát triển tốt. Do đó, để không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường và việc học tập của các cháu cần giao cháu H1 và cháu H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của con về mọi mặt và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình tố tụng, chị Bùi Thị H xác định chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự định đoạt của đương sự nên ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố D, tỉnh B.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Bạch H, huyện Phú X, thành phố H ngày 21/3/2006).

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Quang H1, sinh ngày 10/10/2006 và Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 12/11/2012 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị H về việc không yêu cầu anh Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004095 ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh B.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh B (1);
- VKSND thành phố D (1);
- Chi cục THADS thành phố D (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm